TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thuý Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Trần Khánh T, sinh năm 1998; Thường trú: Số D đường B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số B khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn*: Bà Đinh Nguyễn Kiều O, sinh năm 2001; Thường trú: Số 51/14/17 (số cũ I) khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà O và ông T vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 16/3/2026, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Phạm Trần Khánh T trình bày:*

Ông Phạm Trần Khánh T và bà Đinh Nguyễn Kiều O chung sống với nhau từ năm 2020 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

A, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 18/12/2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai nữa.

Nay, ông T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với bà Đinh Nguyễn Kiều O.

Quá trình chung sống ông T và bà O có hai con chung tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/5/2021 và Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023.

Sau khi ly hôn ông T nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/5/2021. Giao cho bà Đinh Nguyễn Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023. Hai bên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu khác.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Đinh Nguyễn Kiều O trình bày:*

Bà O thống nhất với toàn bộ trình bày của ông T về việc kết hôn, con và mâu thuẫn. Bà O xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T xin ly hôn với bà O thì bà O đồng ý.

Quá trình chung sống ông T và bà O có hai con chung tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/05/2021 và Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023.

Sau khi ly hôn ông T nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/05/2021 thì bà O đồng ý. Bà O nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023. Hai bên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Bà O không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu khác.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T và bà O do Tòa án tiến hành ngày 22/4/2026, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:

Quá trình ông Phạm Trần Khánh T và bà Đinh Nguyễn Kiều O sinh sống tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc ông Phạm Trần Khánh T và bà Đinh Nguyễn Kiều O có xảy ra mâu thuẫn trong gia

đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Phạm Trần Khánh T và bà Đinh Nguyễn Kiều O là gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà O là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trần Khánh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Phạm Trần Khánh T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn bà Đinh Nguyễn Kiều O, sinh năm 2001; Thường trú: Số 51/14/17 (số cũ I) khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh; Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Trần Khánh T và bị đơn bà Đinh Nguyễn Kiều O vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông T và bà O chung sống với nhau từ năm 2020 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 18/12/2020. Như vậy, hôn nhân giữa ông T và bà O là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Ông T trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống

không hạnh phúc. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai nữa. Nay, ông T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với bà O.

Bà O thống nhất với toàn bộ trình bày của ông T về việc kết hôn, con và mâu thuẫn. Bà O xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên O đồng ý ly hôn với ông T.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn cũng yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Từ việc nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn cũng yêu cầu giải quyết vắng mặt, các bên không tham gia hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân đã thể hiện ông T và bà O không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với nhau; hai bên cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của ông T và bà O đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu ly hôn với bà O là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống ông T và bà O có hai con chung tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/05/2021 và Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023.

Sau khi ly hôn ông T nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/05/2021. Bà Đinh Nguyễn Kiều O nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thoả thuận nuôi con của các đương sự là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trần Khánh T đối với bà Đinh Nguyễn Kiều O về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trần Khánh T được ly hôn với bà Đinh Nguyễn Kiều O (Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 18/12/2020 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Đinh Nguyễn Kiều O giao cho ông Phạm Trần Khánh T nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng K, sinh ngày 27/05/2021. Ông Phạm Trần Khánh T giao cho bà Đinh Nguyễn Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tên Phạm Đinh Đăng N, sinh ngày 30/12/2023.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Trần Khánh T và bà Đinh Nguyễn Kiều O về việc không yêu cầu bên còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Trần Khánh T và bà Đinh Nguyễn Kiều O đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Trần Khánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0022622 ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam